

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án chung cư Trần Bình Trọng tại số 08 Trần Bình Trọng, Phường Lê
Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Chung cư Trần Bình Trọng của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn; tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 12/02/2020;

Xét nội dung báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Chung cư Trần Bình Trọng đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 29/CV-PMQN ngày 27/02/2020 của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 369/TTr-STNMT ngày 13/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Chung cư Trần Bình Trọng của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND Phường Lê Lợi theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án, bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

4. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

5. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

6. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN & MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN & MT;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Lê Lợi;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục:
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN CHUNG CƯ TRẦN BÌNH TRỌNG
CỦA CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÚ MỸ - QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- 1.1. Tên dự án: Chung cư Trần Bình Trọng.
- 1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn
- 1.3. Địa điểm: số 08 Trần Bình Trọng, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn.
- 1.4. Phạm vi, quy mô dự án: tổng diện tích dự án là 7.071,4 m², 29 tầng nổi, 02 tầng hầm, 01 tầng kỹ thuật với tổng số 755 căn hộ.
- 1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: đầu tư xây dựng 02 khối nhà chung cư B1 và B2–B3, tuyến đường giao thông, cây xanh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công xây dựng: bụi trong quá trình phá dỡ công trình hiện hữu, bụi và khí thải của máy móc thi công tại công trường và của phương tiện vận chuyển; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại, đất thừa trong quá trình khoan cọc và đào móng tầng hầm.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình giao thông, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 7,2 m³/ngày và nước thải từ quá trình xây dựng phát sinh khoảng 7.216,3m³.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 319 m³/ngày.đêm.

- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao; nước thải từ quá trình xây dựng có hàm lượng chất thải rắn lơ lửng cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi khí thải từ quá trình vận chuyển đất thừa trong quá trình đào đắp, bùn đất thải từ quá trình khoan cọc; đất đổ thải; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường:

- Trong giai đoạn xây dựng: CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 160kg/ngày; CTR thi công xây dựng khoảng 35,3kg/ngày; đất thừa từ quá trình khoan cọc nhồi, bùn đất, dung tích khoan thải từ quá trình khoan cọc nhồi và đào móng tầng hầm với tổng khối lượng 103.096,06m³.

- Trong giai đoạn hoạt động: CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 2.718 kg/ngày và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh với khối lượng khoảng 44,9 kg/ngày.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi; CTR từ đào đất có thành phần bùn, sét lỏng, dễ phát tán vào môi trường nước.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn xây dựng: dầu mỡ, giẻ lau, phụ gia ngành xây dựng, vật dụng chứa dầu mỡ,... phát sinh với tổng khối lượng khoảng 112 kg.

- Giai đoạn hoạt động: dầu mỡ, giẻ lau, pin, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in,...phát sinh với tổng khối lượng khoảng 95 kg/năm.

- Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải nhà vệ sinh được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại (02 bể tự hoại có tổng thể tích là 330 m³), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 450 m³/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k=1), trước khi thải ra nguồn tiếp nhận tại hố ga hiện trạng phía trước số nhà 145 đường Trần Hưng Đạo (tọa độ: 1523.780; 633.446).

- Sơ đồ công nghệ xử lý:

Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể tiếp xúc → Hố gom → Nước thải đầu ra (đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số k=1).

- Quy trình vận hành:

Nước thải sinh hoạt sau khu xử lý sơ bộ được bơm qua các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế vận hành tự động, thời gian vận hành liên tục 24/24h.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: lập rào chắn bằng tôn xung quanh khu vực Dự án trước khi thi công, hạn chế các tác động đến khu vực lân cận.

- Giai đoạn hoạt động: bố trí hệ thống thông gió tại các phòng chứa rác và nhà chứa rác,...

- Trồng cây xanh với tổng diện tích (gồm công viên cây xanh và xung quanh khối nhà chung cư) là 1.434,25 m².

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH

- Bãi đổ thải (đất thừa từ quá trình đào móng tầng hầm và bùn sét nhão thải phát sinh từ quá trình khoan cọc nhồi) tại khu A2 - Dự án Khu đô thị Long Vân có diện tích khoảng 5,7 ha, được che chắn bằng tường cao, gia cố chân bãi thải để giảm thiểu bụi phát sinh.

- CTR sinh hoạt: bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo: tại các tầng bố trí 01 phòng chứa rác có diện tích 4,2 m² và tại mỗi Block bố trí 01 nhà chứa rác có diện tích 27 m².

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý CTR sinh hoạt (định kỳ 1 lần/ngày), bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và CTNH để vận chuyển xử lý theo quy định.

- Lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Giai đoạn xây dựng:

- + Bố trí biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào Dự án, không vận chuyển vào các khung giờ cao điểm như 6h-7h, 16h-18h.

- + Ngừng hoạt động từ 21h00 – 6h00 sáng ngày hôm sau để đảm bảo giấc ngủ cho các hộ dân lân cận. Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa (11h-13h).

- Giai đoạn hoạt động: trồng và chăm sóc cây xanh vỉa hè và công viên.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy và dán ngay tại các căn hộ để cảnh báo người dân về nguy cơ cháy nổ.

- Bố trí sơ đồ thoát hiểm khi người dân có sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy.

4. Danh mục biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải có công suất 450 m³/ngày.đêm
- Phòng chứa rác mỗi tầng (CTR sinh hoạt và CTNH), diện tích 4,2 m².
- 02 nhà chứa rác của mỗi Block, với diện tích mỗi nhà chứa rác khoảng 27 m².
- Diện tích trồng cây xanh (gồm công viên cây xanh và xung quanh khối nhà chung cư): 1.434,25 m², chiếm 21,29% tổng diện tích.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: Khu vực tiếp giáp tuyến đường Trần Hưng Đạo (khu vực gần bệnh viện đa khoa thành phố Quy Nhơn (tọa độ: 1523.782; 633.752)
- Thông số giám sát: bụi, ồn, CO, NO₂, SO₂. Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần. Chỉ giám sát khi có khiếu kiện.

b. Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại: về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Giám sát môi trường trong vận hành thử nghiệm

- Vị trí giám sát: bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể khử trùng. Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – cột B, K=1.
- Tần suất quan trắc: theo quy định tại Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Các chỉ tiêu giám sát là: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

5.3. Giám sát vận hành thương mại

a. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: tại 02 nhà chứa CTR của 2 Block B1 và B2-B3).
- Thông số giám sát: Thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

b. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại bể thu gom (tọa độ: 1523.767; 633.741) và hố ga đầu nổi (tọa độ: 1523.780; 633.446). Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – cột B, K = 1.

- Các chỉ tiêu giám sát là: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.